



CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Tòa nhà Anna, Số 10 Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) (28) 328 912 889 - **Fax:** (84) (28) 328 912 789

E-mail: info@sbg.vn - **Website:** www.sbg.vn

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN

SIAM BROTHERS VIỆT NAM

MỤC LỤC

MỤC I	ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1	Viết tắt.....	5
Điều 2	Định nghĩa	5
Điều 3	Nguyên tắc chung	6
MỤC II	THÔNG TIN CHUNG.....	7
Điều 4	Thông tin về công ty	7
Điều 5	Thông tin dự án.....	7
Điều 6	Thời hạn hoạt động	8
Điều 7	Lĩnh vực kinh doanh.....	8
Điều 8	Người đại diện theo pháp luật.....	8
Điều 9	Cổ đông sáng lập	8
MỤC III	CHỨNG KHOÁN VÀ CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN	9
Điều 10	Vốn Điều lệ.....	9
Điều 11	Chứng Khoán và Chứng chỉ	10
Điều 12	Chào bán và chuyển nhượng Chứng Khoán	11
MỤC IV	CƠ CẤU TỔ CHỨC.....	12
Điều 13	Cơ cấu tổ chức quản lý	12
MỤC V	CỔ ĐÔNG	12
Điều 14	Quyền của cổ đông	12
Điều 15	Nghĩa vụ của cổ đông	13
MỤC VI	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 16	Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 17	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 18	Đại Diện Ủy Quyền và Đại Diện Dự Họp	15
Điều 19	Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình Họp, và Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông....	17
Điều 21	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22	Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 23	Thủ tục thông qua nghị quyết ĐHD bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	22
Điều 24	Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 25	Thay đổi các quyền	25

Điều 26	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 27	Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
MỤC VII	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 28	Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị	25
Điều 29	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 30	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 31	Quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 32	Chủ tịch Hội đồng quản trị	30
Điều 33	Người đại diện theo ủy quyền của Thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 34	Triệu tập họp Hội đồng quản trị.....	31
Điều 35	Tổ chức họp Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	33
Điều 36	Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị	33
Điều 37	Biên Bản và Nghị quyết Hội đồng quản trị.....	34
Điều 38	Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.....	34
Điều 39	Người phụ trách quản trị công ty	34
Điều 40	Thư ký Công ty	35
MỤC VIII	TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	36
Điều 41	Tổ chức bộ máy quản lý.....	36
Điều 42	Người điều hành	36
Điều 43	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	36
MỤC IX	TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT VIÊN	37
Điều 44	Trách nhiệm cẩn trọng	37
Điều 45	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	37
Điều 46	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	39
MỤC X	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	39
Điều 47	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	39
MỤC XI	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	40
Điều 48	Công nhân viên và công đoàn.....	40
MỤC XII	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	40
Điều 49	Phân chia lợi nhuận.....	40
MỤC XIII	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ	40
TOÁN		

Điều 50	Tài khoản ngân hàng.....	40
Điều 51	Trích lập các quỹ.....	41
Điều 52	Năm tài chính.....	41
Điều 53	Chế độ Kế toán.....	41
MỤC XIV	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ, THÔNG BÁO THÔNG TIN RA CÔNG CHÚNG 41	
Điều 54	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	41
Điều 55	Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	42
MỤC XV	KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	42
Điều 56	Kiểm toán.....	42
MỤC XVI	CON DẤU.....	42
Điều 57	Con dấu.....	42
MỤC XVII	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	42
Điều 58	Chấm dứt hoạt động.....	42
Điều 59	Gia hạn hoạt động.....	43
Điều 60	Thanh lý.....	43
MỤC XVIII	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	43
Điều 61	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	43
MỤC XIX	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	44
Điều 62	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	44
MỤC XX	HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ.....	44
Điều 63	Hiệu lực của Điều lệ.....	44

PHẦN MỞ ĐẦU

MỤC I ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1 Viết tắt

Trong Điều lệ này, những từ viết tắt dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- | | | |
|---|-------------------|---|
| 1 | Công ty | Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam bao gồm cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam thành lập và quản lý hoạt động |
| 2 | ĐHĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| 3 | Điều lệ | Điều lệ Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam |
| 4 | GD | Giám đốc |
| 5 | HĐQT | Hội đồng quản trị |
| 6 | Luật Chứng khoán | Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khoá XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành |
| 7 | Luật Doanh nghiệp | Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành |
| 8 | Luật Đầu tư | Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành |
| 9 | TGD | Tổng giám đốc |

Điều 2 Định nghĩa

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- | | | |
|---|-------------|---|
| 1 | Cấp Quản Lý | Bao gồm ĐHĐ, HĐQT, cấp TGD hoặc GD do HĐQT quyết định, các cấp trưởng phòng và các cấp quản lý khác do ĐHĐ hoặc HĐQT quyết định. |
| 2 | Chứng Khoán | Là bằng chứng xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với tài sản hoặc phần vốn của Công ty bao gồm:
Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ;
Quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng tương lai, nhóm chứng khoán hoặc chỉ số chứng khoán;
Hợp đồng góp vốn đầu tư;
Các loại Chứng Khoán khác do ĐHĐ quyết định tại từng thời điểm phù hợp với quy định của pháp luật. |

- | | | |
|----|--|---|
| 3 | Chúng Chi | Là văn bản giấy có đóng dấu của Công ty và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty |
| 4 | Có Lợi Ích Đáng Kể | Là việc thành viên HĐQT hưởng lợi từ Hợp Đồng Giao Dịch Thuộc Thâm Quyền Đặc Biệt. |
| 5 | Cổ Đông Hoặc Nhóm Cổ Đông Có Quyền | Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên |
| 6 | Cổ Đông Lớn | Là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. |
| 7 | Cổ Phiếu Quỹ | Là cổ phần chưa bán do Công ty mua lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán |
| 8 | Đại Diện Dự Hợp | là người được cổ đông hoặc Đại Diện Ủy Quyền chỉ định phù hợp với các quy định của Điều lệ để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐ |
| 9 | Đại Diện Ủy Quyền | Là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông |
| 10 | Hợp Đồng Giao Dịch Thuộc Thâm Quyền Đặc Biệt | Là hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với cổ đông, Đại Diện Ủy Quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những Người Có Liên Quan của họ, một hoặc nhiều thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành khác và Người Có Liên Quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành khác hoặc những Người Có Liên Quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính (bao gồm cả việc sở hữu bất kỳ phần vốn góp hoặc cổ phần nào trong công ty đối tác, hiệp hội, tổ chức đó) |
| 11 | Người Có Liên Quan | Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán |
| 12 | Người Điều Hành | Bao gồm TGD, GD, Phó TGD, Phó GD, kế toán trưởng, trưởng phòng và các cấp quản lý khác do ĐHĐ hoặc HĐQT quyết định |
| 13 | Người Quản Lý | Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, TGD và các chức danh quản lý khác do ĐHĐ hoặc HĐQT quyết định cho phép nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty. |
| 14 | Vốn Điều Lệ | Có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua của Công ty |

Điều 3 Nguyên tắc chung

- 1 Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số qui định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

- 2 Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ.
- 3 Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ.

MỤC II THÔNG TIN CHUNG

Điều 4 Thông tin về công ty

Tên tiếng Việt **CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM**

Tên tiếng Anh **SIAM BROTHERS VIETNAM JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt Không có

Loại hình hoạt động Công ty cổ phần và là công ty đại chúng

Trụ sở chính Tòa nhà Anna, số 10, Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Văn phòng đại diện Lầu 10, Tòa nhà PDD, 162 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (028) 328.912.889

Fax (028) 328.912.789

Email info@sbg.vn

Website www.sbg.vn

Điều 5 Thông tin dự án

Tên dự án	Tổ chức thực hiện	Địa điểm thực hiện dự án
NHÀ MÁY SIAM PLASTIC	Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam	Địa chỉ số 87/1, Quốc lộ 1A, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
NHÀ MÁY SIAM PLASTIC SỐ 2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam số 1	Lô A201~A202, đường C Khu công nghiệp Thái Hòa – Đức Hoà 3, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam
NHÀ MÁY SIAM PLASTIC SỐ 3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam số 2	Lô E, đường số 7, KCN Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam
NHÀ MÁY SIAM	Chi nhánh Công ty Cổ phần Siam Brothers	Nhà xưởng 4-5-6-5a, Lô E, đường số 7,

PLASTIC SỐ 4	Việt Nam số 3	KCN Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam
--------------	---------------	--

Điều 6 Thời hạn hoạt động

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định pháp luật và tại Điều lệ, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày đăng ký thành lập Công ty và là vô thời hạn. Thời hạn hoạt động của từng dự án theo quy định pháp luật và được ghi nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký dự án (hoặc giấy tờ pháp lý khác có giá trị tương đương) của Công ty.

Điều 7 Lĩnh vực kinh doanh

1324 Sản xuất các loại dây bện và lưới

(Chi tiết: Sản xuất dây PP, dây PE, dây thừng bện dùng trong nông ngư nghiệp)

2220 Sản xuất sản phẩm từ plastic

(Chi tiết: Sản xuất các phụ kiện, trang cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp)

6201 Lập trình máy vi tính

(Chi tiết: sản xuất và phát triển phần mềm máy tính)

4690 Bán buôn tổng hợp

Chi tiết: Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các sản phẩm có mã HS sau: các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực ngư nghiệp: 5608, 5607, 8539, 8418, 3916, 3926, 3208, các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp: 8432, 8433, 8434, 8436, 5803)

Điều 8 Người đại diện theo pháp luật

1 Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật và giữ chức danh Chủ tịch HĐQT

2 Người đại diện theo pháp luật có quyền đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng, giao dịch đã được phê duyệt; đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác do Cấp Quản Lý ủy quyền.

3 Người đại diện theo pháp luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Điều 9 Cổ đông sáng lập

1 Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty gồm có:

HỌ VÀ TÊN	QUỐC TỊCH	ĐỊA CHỈ	GIỚI TÍNH	CMND/ HỘ CHIẾU/ GIẤY CHỨNG NHẬN
VEERAPONG SAWATYANON	Thái Lan	87/1 Quốc lộ 1A, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nam	Hộ chiếu số AA7592516 cấp ngày 01/02/2017 cấp bởi Bộ Ngoại giao

				Thái Lan
ITTHAPAT SAWATYANON	Thái Lan	87/1 Quốc lộ 1A, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nam	Hộ chiếu số AA2277028 cấp ngày 01/10/2013 cấp bởi Bộ Ngoại giao Thái Lan
PRATIP SAWATYANON	Thái Lan	87/1 Quốc lộ 1A, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nam	Hộ chiếu số X705063 cấp ngày 18/08/2008 cấp bởi Bộ Ngoại giao Thái Lan
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THÔNG MINH (TÊN CŨ: CÔNG TY TNHH SIAM HOLDINGS VN) Người đại diện: VEERAPONG SAWATYANON		Lô A117, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam		GCN Đăng ký doanh nghiệp số 1100707813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An đăng ký lần đầu ngày 13/02/2015

2 Tỷ lệ góp vốn của các cổ đông sáng lập đăng ký lần đầu như sau:

HỌ VÀ TÊN	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ VỐN GÓP (VNĐ)	LOẠI CỔ PHẦN	THỜI ĐIỂM GÓP VỐN
VEERAPONG SAWATYANON	533.400	5.334.000.000	Cổ phần phổ thông	Đã góp đủ
ITTHAPAT SAWATYANON	533.400	5.334.000.000		
PRATIP SAWATYANON	219.642	2.196.420.000		
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THÔNG MINH (TÊN CŨ: CÔNG TY TNHH SIAM HOLDINGS VN) Người đại diện: VEERAPONG SAWATYANON	6.713.558	67.135.580.000		

MỤC III CHỨNG KHOÁN VÀ CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

Điều 10 Vốn Điều lệ

- 1 Vốn Điều lệ của công ty là: 273,664,760,000 (Hai trăm bảy mươi ba tỷ sáu trăm sáu mươi tư triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng. Công ty có thể tăng Vốn Điều lệ khi được ĐHD thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

- 2 Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 27,366,476 (Hai mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi sáu) cổ phần phổ thông.
Mệnh giá: 10.000 (mười ngàn) đồng/ 01 (một) cổ phần

Điều 11 Chứng Khoán và Chứng chỉ

- 1 Chứng Khoán của Công ty được phát hành dưới dạng Chứng Chỉ. Công ty có thể phát hành thêm các loại Chứng Khoán dưới các hình thức khác như bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ theo kết quả phát hành các loại Chứng Khoán khác của ĐHĐ, HĐQT có thể ban hành các quy định chi tiết, phù hợp với qui định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ.
- 2 Chứng Chỉ của Công ty được thể hiện dưới dạng Chứng Chỉ ghi danh. Công ty không phát hành Chứng Chỉ vô danh
- 3 Chứng Chỉ do Công ty phát hành luôn có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Chứng Chỉ cổ phiếu do Công ty phát hành còn phải có đầy đủ các nội dung sau:
- a Tên, mã số doanh nghiệp Công ty, địa chỉ trụ sở chính;
 - b Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
 - e Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - f Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - g Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần ưu đãi (áp dụng cho Chứng Chỉ cổ phần ưu đãi).
- 4 Chứng Chỉ cổ phiếu cấp lần đầu và Chứng Chỉ cổ phiếu cấp lại do chuyển nhượng Chứng Khoán được Công ty phát hành miễn phí.
- 5 Trường hợp Chứng Chỉ bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu được Công ty cấp lại Chứng Chỉ với điều kiện:
- a Có văn bản đề nghị được cấp lại Chứng Chỉ với các nội dung: Ghi rõ số Chứng Chỉ hoặc thông tin về Chứng Chỉ bị mất, lý do yêu cầu cấp lại (bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất hay bị tiêu hủy), cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy trường hợp Chứng Chỉ bị mất, cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Chứng Chỉ.
 - b Hoàn trả Chứng Chỉ bị hỏng, bị tẩy xóa cho Công ty;
 - c Cung cấp bằng chứng chứng minh việc sở hữu cổ phần;
 - d Thanh toán chi phí cấp lại Chứng Chỉ.
- 6 Đối với Chứng Chỉ cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu Chứng Chỉ cổ phiếu đăng thông báo về việc Chứng Chỉ bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày

đăng thông báo sẽ có thể đề nghị Công ty cấp Chứng Chỉ cổ phiếu mới.

Điều 12 Chào bán và chuyển nhượng Chứng Khoán

- 1 Việc chào bán và chuyển nhượng Chứng Khoán thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ.
- 2 Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải được thanh toán đủ một lần.
- 3 Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHD có quy định khác.
- 4 Cổ Phiếu Quỹ được Công ty ưu tiên chào bán theo những cách thức do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ.
- 5 Đối với việc chào bán cổ phần:
 - a Việc thông báo chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu được Công ty thông báo chậm nhất 20 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần.
 - b Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
- 6 Nếu chưa kết thúc đợt chào bán nhưng đã đến hạn thanh toán cổ phần đăng ký mua mà cổ đông/người đăng ký mua cổ phần vẫn chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ cho số cổ phần đăng ký mua thì:
 - (i) HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo và phải trước thời điểm kết thúc đợt chào bán), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi;
 - (ii) HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo;
 - (iii) Cổ đông/người nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền, phí, lệ phí có liên quan và lãi phát sinh từ thời điểm bị thu hồi đến khi hoàn tất việc thanh toán theo tỷ lệ và cách thức do HĐQT quyết định vào thời điểm thu hồi. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế và thanh toán các khoản tiền nêu trên.
- 7 Nếu kết thúc đợt chào bán mà cổ đông/người đăng ký mua cổ phần vẫn chưa thanh toán hoặc chưa

thanh toán đủ cho số cổ phần đăng ký mua thì cổ đông/người đăng ký mua đương nhiên không còn là người sở hữu số cổ phần chưa được thanh toán. Cổ đông hoặc người đăng ký mua cổ phần do Công ty chào bán mà người đó chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh từ thời điểm đã đăng ký mua cổ phần đến khi kết thúc đợt chào bán.

- 8 Việc chuyển nhượng cổ phần phải được lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của người chuyển nhượng và người nhận chuyển nhượng và phải được cơ quan có thẩm quyền chứng thực trừ trường hợp ĐHĐ có quyết định khác hoặc chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của Luật Chứng Khoán và thị trường chứng khoán.

MỤC IV CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 13 Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: ĐHĐ, HĐQT, ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT và TGD.

MỤC V CỔ ĐÔNG

Điều 14 Quyền của cổ đông

- 1 Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 2 Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - a Tham dự và phát biểu trong các ĐHĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định;
 - b Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐ;
 - c Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành;
 - e Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp ĐHĐ và các nghị quyết của ĐHĐ;
 - g Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - h Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình khi cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ. Yêu cầu phải bằng

văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày ĐHD thông qua quyết định về các vấn đề qui định tại khoản này;

- j Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHD thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - k Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
- 3 Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm căn cứ theo cổ phiếu; nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty, sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản; có các quyền tương tự cổ đông phổ thông trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp ĐHD, quyền đề cử người vào HĐQT.
- 4 Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu; có các quyền tương tự cổ đông phổ thông trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp ĐHD, quyền đề cử người vào HĐQT.
- 5 Cổ Đông Hoặc Nhóm Cổ Đông Có Quyền có các quyền sau:
- a Đề cử các ứng viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ;
 - b Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam;
 - c Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHD;
 - d Yêu cầu triệu tập họp ĐHD theo quy định tại Điều lệ;
 - e Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Điều 15 Nghĩa vụ của cổ đông

- 1 Tuân thủ Điều lệ, các nghị quyết của ĐHD và HĐQT và các quy chế quản lý của Công ty;
- 2 Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- 3 Tham dự cuộc họp ĐHD thông qua các hình thức quy định tại Điều lệ;
- 4 Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
- 5 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- 6 Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật hiện hành;

- 7 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a Vi phạm pháp luật;
 - b Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc
 - c Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.
- 8 Cổ Đông Lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- 9 Cổ Đông Lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

MỤC VI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16 Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty

Điều 17 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1 ĐHĐ thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 2 ĐHĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT. Báo cáo phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - (i) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT
 - (ii) Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
 - (iii) Kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT (nếu có);
 - (iv) Hoạt động của ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT;
 - (v) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc HĐQT (nếu có);
 - (vi) Kết quả giám sát đối với TGD;
 - (vii) Kết quả giám sát đối với Người Điều Hành khác;
 - (viii) Các kế hoạch trong tương lai.
 - b Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - c Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- 3 ĐHĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a Định hướng phát triển của công ty;
 - b Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm;
 - c Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - d Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với quy định pháp luật và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi

- đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐ;
- e Số lượng thành viên HĐQT;
 - f Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT;
 - g Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
 - h Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
 - i Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần
 - j Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - k Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
 - l Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - m Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - n Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - o Các hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐ thông qua quy định tại Điều lệ;
 - p Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của công ty đã được ĐHĐ thông qua phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 18 Đại Diện Ủy Quyền và Đại Diện Dự Hợp

- 1 Cổ đông có thể ủy quyền cho một (01) Đại Diện Ủy Quyền là cá nhân để thực hiện các quyền của mình theo quy định tại Điều lệ. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền cử từ một (01) đến ba (03) Đại Diện Ủy Quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một (01) Đại Diện Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi Đại Diện Ủy Quyền. Trường hợp cổ đông không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi Đại Diện Ủy Quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng Đại Diện Ủy Quyền.
- 2 Đại Diện Ủy Quyền phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - b Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- 3 Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Ủy Quyền chỉ có hiệu lực khi được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn năm (05) ngày làm việc trước ngày có hiệu lực của việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi đó. Thông báo cử Đại Diện Ủy Quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a Họ và Tên, quốc tịch, địa chỉ thường trú nếu cổ đông ủy quyền là cá nhân; Họ và Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương nếu cổ đông ủy quyền là tổ chức;
 - b Số lượng cổ phần, loại cổ phần, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;
 - c Nếu cổ đông là tổ chức ủy quyền cho nhiều Đại Diện Ủy Quyền thì ghi rõ số lượng Đại Diện Ủy Quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi Đại Diện Ủy Quyền; Họ, tên, địa chỉ thường

- trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng Đại Diện Ủy Quyền;
- d Thời hạn ủy quyền và ngày bắt đầu được thực hiện quyền ủy quyền (ghi rõ của từng người nếu có nhiều Đại Diện Ủy Quyền);
- e Họ, tên, chữ ký của từng Đại Diện Ủy Quyền và cổ đông ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông ủy quyền là tổ chức
- 4 Mọi hạn chế của cổ đông là tổ chức đối với Đại Diện Ủy Quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại ĐHD đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba (bao gồm cả Công ty).
- 5 Các cổ đông và Đại Diện Ủy Quyền có quyền trực tiếp tham dự cuộc họp ĐHD hoặc ủy quyền lại cho người khác làm Đại Diện Dự Hội họp phù hợp với quy định tại Điều lệ. Đại Diện Ủy Quyền là Đại Diện Dự Hội họp đương nhiên của cổ đông trừ trường hợp ủy quyền lại theo quy định tại Điều lệ. Cổ đông đã cử Đại Diện Ủy Quyền không được ủy quyền cho người khác làm Đại Diện Dự Hội họp trừ khi Đại Diện Ủy Quyền của cổ đông đó không thể đến tham dự họp. Đại Diện Ủy Quyền của cổ đông là cá nhân không được ủy quyền lại cho người khác dự họp trừ trường hợp cổ đông đó đồng ý bằng văn bản hoặc được ghi nhận tại văn bản ủy quyền. Số lượng Đại Diện Dự Hội họp tối đa là 01 (một) người với mỗi cổ đông ủy quyền hoặc mỗi Đại Diện Ủy Quyền.
- 6 Việc cử Đại Diện Dự Hội họp phải được lập thành văn bản theo mẫu công ty và phải đảm bảo tuân thủ nguyên tắc sau:
- a Trường hợp là cổ đông trực tiếp ủy quyền thì phải được ký bởi người ủy quyền và Đại Diện Dự Hội họp.
- b Trường hợp người ủy quyền là cổ đông đã có Đại Diện Ủy Quyền thì phải ngoài điều kiện nêu tại khoản a nêu trên phải có xác nhận bằng văn bản của Đại Diện Ủy Quyền về việc không thể tham dự họp ĐHD.
- c Trường hợp Đại Diện Ủy Quyền ủy quyền lại cho người khác làm Đại Diện Dự Hội họp thì phải có chữ ký của Đại Diện Ủy Quyền, Đại Diện Dự Hội họp và chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức trừ trường hợp văn bản ủy quyền có xác nhận cho phép Đại Diện Ủy Quyền được ủy quyền lại.
- d Trong các trường hợp còn lại văn bản ủy quyền phải có đủ chữ ký của cổ đông và Đại Diện Dự Hội họp.
- 7 Đại Diện Dự Hội họp phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp ĐHD
- 8 Phiếu biểu quyết của Đại Diện Dự Hội họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a Người ủy quyền chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự sau thời điểm ủy quyền; hoặc
- b Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền nhưng không thông báo đến công ty trong thời hạn quy định tại khoản 9 Điều này; hoặc
- c Cổ đông đã hủy bỏ việc ủy quyền lại của Đại Diện Ủy Quyền nhưng không thông báo đến công ty trong thời hạn quy định tại khoản 9 Điều này.

- 9 Qui định tại khoản 8 điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các trường hợp qui định tại khoản 8 điều này chậm nhất hai mươi bốn (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của ĐHĐ.
- 10 Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định Đại Diện Dự Họp, việc chỉ định Đại Diện Dự Họp trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định Đại Diện Dự Họp đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

Điều 19 Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 1 ĐHĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. ĐHĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- 2 Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐ:
 - a Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b Định hướng phát triển công ty;
 - c Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT;
 - e Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
 - f Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g Tổ chức lại, giải thể công ty.
- 3 Trong Điều lệ (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là có tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐ trong trường hợp sau đây:
 - a Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b Biểu quyết thông qua Đại Diện Ủy Quyền hoặc Đại Diện Dự Họp theo quy định tại Điều lệ;
 - c Biểu quyết theo hình thức bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ;
 - d Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - e Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 20 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình Họp, và Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

- 1 HĐQT triệu tập họp ĐHĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam.
- 2 HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - b Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ
 - c Khi số thành viên của HĐQT, thành viên độc lập HĐQT ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định

hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ;

- d Theo yêu cầu triệu tập ĐHĐ của Cổ Đông Hoặc Nhóm Cổ Đông Có Quyền trong các trường hợp sau đây:

HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của Người Quản Lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;

(* Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐ của Cổ Đông Hoặc Nhóm Cổ Đông Có Quyền phải được lập bằng văn bản. Văn bản phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số ĐKKD đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của Cổ Đông Hoặc Nhóm Cổ Đông Có Quyền và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập ĐHĐ. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- e Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3 Thời hạn triệu tập ĐHĐ

- a HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện nêu tại Khoản 2.c điều này hoặc khi nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 2.d và Khoản 2.e điều này

- b Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐ theo quy định tại khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông Hoặc Nhóm Cổ Đông Có Quyền có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐ. Trong trường hợp này, Cổ Đông Hoặc Nhóm Cổ Đông Có Quyền có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

4 Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐ sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5 Người triệu tập ĐHĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a Chuẩn bị danh sách các cổ đông có quyền dự họp tại ĐHĐ căn cứ theo sổ đăng ký cổ đông của Công ty không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐ;
- b Lập chương trình và nội dung cuộc họp, và chuẩn bị các tài liệu khác cho cuộc họp theo quy định phù hợp với Điều lệ và quy định pháp luật;
- c Xác định thời gian và địa điểm tổ chức;
- d Dự thảo nghị quyết của ĐHĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT;
- e Thông báo và gửi thông báo họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- f Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- g Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

6 Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐ không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐ. Người triệu tập họp ĐHĐ phải gửi

thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông được mời là tổ chức; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông được mời là cá nhân; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

- 7 Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo hoặc chỉ rõ đường dẫn, cách tiếp cận đến các tài liệu sau đây:
 - a Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b Phiếu biểu quyết;
 - c Mẫu chỉ định Đại Diện Dự Họp;
 - d Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên HĐQT;
- 8 Thông báo mời họp ĐHĐ được đăng trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông theo một trong các hình thức sau:
 - a Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐ có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, tờ báo trung ương hoặc tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính.
 - b Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐ có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp ĐHĐ có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.
 - c Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.
- 9 Cổ Đông Hoặc Nhóm Cổ Đông Có Quyền có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 10 Người triệu tập họp ĐHĐ phải chấp nhận và đưa đề xuất của Cổ Đông Hoặc Nhóm Cổ Đông Có Quyền vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp trừ trường hợp đề xuất thuộc trường hợp Người triệu tập họp ĐHĐ có quyền từ chối cụ thể:
 - a Đề xuất không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% (mười phần trăm) cổ

phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 (sáu) tháng trở nên;

c Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐ.

11 Đề xuất của Cổ Đông Hoặc Nhóm Cổ Đông Có Quyền tại dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐ chấp thuận.

Điều 21 Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1 ĐHĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 60% cổ phần có quyền biểu quyết.
- 2 Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 120 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐ lần thứ nhất. ĐHĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- 3 Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được quyền tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐ lần thứ nhất.
- 4 Chỉ có ĐHĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ.

Điều 22 Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 1 Vào ngày tổ chức ĐHĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông có quyền đăng ký dự họp theo hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định nếu như Công ty cho phép sử dụng các hình thức này và được thể hiện rõ tại thông báo mời họp ĐHĐ.
- 2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc Đại Diện Dự Họp có quyền biểu quyết một hoặc nhiều thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên Đại Diện Ủy Quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Trường hợp biểu quyết qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định thì thẻ biểu quyết của cổ đông được Công ty cấp theo quy chế do Công ty ban hành và được thông báo cho các cổ đông.
- 3 Cổ đông hoặc Đại Diện Dự Họp đến dự ĐHĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã biểu quyết trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- 4 Cổ đông, Đại Diện Ủy Quyền không thể đến tham dự họp và không thể cử Đại Diện Dự Họp đến tham dự họp có quyền đề nghị gửi thẻ biểu quyết thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Cổ đông, Đại Diện Ủy Quyền phải thông báo với công ty để nhận thẻ biểu quyết và thẻ biểu quyết phải được gửi theo đúng hình thức quy định, đến đúng địa chỉ tổ chức họp ĐHĐ ghi trên thông báo mời họp trước ít nhất một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp thì mới có giá trị. Các thẻ biểu quyết này phải được

niêm phong cho đến khi thực hiện kiểm phiếu.

- 5 Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, người triệu tập họp ĐHD điều khiển để ĐHD bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- 6 Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHD thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Các vấn đề về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHD sẽ do Chủ tọa quyết định thực hiện theo quy định tại Điều lệ
- 7 Theo đề nghị của chủ tọa, ĐHD thông qua danh sách ban kiểm phiếu và ban giám sát kiểm phiếu (nếu cần thiết). Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người. Ban kiểm phiếu có thể lập thêm bộ phận hỗ trợ cho việc thu và kiểm phiếu.
- 8 Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHD một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
- 9 Chủ tọa ĐHD có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:
 - a Các thành viên tham dự không có đủ chỗ ngồi hoặc không có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
 - b Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - d khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHD đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.
- 10 Trong trường hợp ĐHD bị hoãn hoặc tạm dừng, HĐQT có trách nhiệm xác định lại địa điểm phù hợp để tổ chức ĐHD và kiến nghị với chủ tọa cuộc họp. HĐQT đồng thời, với sự đồng ý của chủ tọa, có các trách nhiệm sau:
 - a Thông báo về việc tổ chức lại đại hội, thời gian và địa điểm tổ chức họp thay thế;
 - b Bố trí, tổ chức đại hội đảm bảo khả năng tham dự đại hội của tất cả các cổ đông;
 - c Kiến nghị với chủ tịch và thực hiện sau khi có sự đồng ý của chủ tọa các biện pháp cần thiết để tổ chức lại đại hội
- 11 Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
- 12 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHD trái với quy định tại Điều lệ, ĐHD bầu một người khác trong số những dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực

các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

- 13 Người triệu tập họp ĐHĐ có các quyền và trách nhiệm sau đây:
- a Thực hiện các biện pháp để bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp; yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐ sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
 - b Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐ.
 - c Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐ;
 - d Thực hiện các biện pháp tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- 14 Người triệu tập họp ĐHĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

Điều 23 Thê thức thông qua nghị quyết ĐHĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- 1 Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐ.
- 2 HĐQT có trách nhiệm sau đây khi tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản:
- a Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín theo Điều lệ và pháp luật;
 - b Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến trong đó ghi rõ thời hạn cổ đông phải gửi lại phiếu lấy ý kiến cho Công ty, dự thảo nghị quyết của ĐHĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và các tài liệu văn bản khác theo quy định của Điều lệ. Các tài liệu này phải được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
- 3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b Mục đích lấy ý kiến;
 - c Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Ủy Quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- d Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- e Phương thức gửi phiếu lấy ý kiến cho Công ty (địa chỉ gửi thư nếu không phải là địa chỉ trụ sở chính của Công ty, cách thức gửi fax hoặc thư điện tử hợp lệ)
- f Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty;
- 4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc Đại Diện Ủy Quyền.
- 5 Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a Gửi thư: phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b Gửi fax hoặc thư điện tử: phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được gửi theo hình thức ghi nhận tại phiếu lấy ý kiến và được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- 6 Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Trường hợp cổ đông không gửi trả lại phiếu lấy ý kiến hoặc phiếu lấy ý kiến được bỏ trống thì được xem là Cổ đông đã không tham gia biểu quyết.
- 7 HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của tối thiểu một (01) cổ đông không phải là Người Quản Lý hoặc Người Điều Hành. HĐQT có thể cử người phụ trách quản trị công ty hoặc thư ký Công ty hoặc một người khác làm thư ký và tham gia kiểm phiếu.
- 8 Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e Các vấn đề đã được thông qua;
 - f Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- 9 Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- 10 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- 11 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐ.

Điều 24 Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- 1 Trừ trường hợp “Thay đổi các quyền” quy định tại Điều 25, các quyết định của ĐHĐ sẽ được thông qua tuân thủ theo quy định tại điều nay
- 2 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và khoản 4 của Điều này, các nghị quyết của ĐHĐ được thông qua khi có sự chấp thuận từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Dự Hội (đối với hình thức biểu quyết tại cuộc họp) hoặc của các cổ đông có quyền biểu quyết (nếu tổ chức theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).
- 3 Các nghị quyết của ĐHĐ liên quan đến các vấn đề sau phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Dự Hội (đối với hình thức biểu quyết tại cuộc họp) hoặc của các cổ đông có quyền biểu quyết (nếu tổ chức theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) tán thành:
- a Loại cổ phần/cổ phiếu và tổng số cổ phần/cổ phiếu của từng loại, số lượng cổ phần/cổ phiếu được quyền chào bán;
 - b Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
 - e Việc thông qua Hội Đồng Giao Dịch Thuộc Thẩm Quyền Đặc Biệt;
 - f Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - g Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- 4 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.
- 5 Nghị quyết của ĐHĐ được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì nghị quyết đó được coi là hợp lệ, hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
- 6 Nghị quyết của ĐHĐ được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐ hoặc được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

Điều 25 Thay đổi các quyền

- 1 Các quyết định của ĐHĐ về các vấn đề chia hoặc thay đổi vốn cổ phần của Công ty thành các loại cổ phần khác nhau; việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.
- 2 Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc Đại Diện Dự Họp) đại diện cho tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành tham dự họp. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Dự Họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu.
- 3 Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Đại Diện Dự Họp có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên
- 4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 26 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1 Biên bản họp ĐHĐ được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký. Biên bản được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.
- 2 Biên bản họp ĐHĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Biên bản họp ĐHĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
- 3 Biên bản ĐHĐ phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 27 Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 1 Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐ bằng văn bản, Cổ Đông Hoặc Nhóm Cổ Đông Có Quyền có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐ trong các trường hợp sau đây:
 - a Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐ, lấy ý kiến ĐHĐ bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - b Nghị quyết ĐHĐ vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ.

MỤC VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28 Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị

- 1 Số lượng thành viên HĐQT là mười (10) người do ĐHD bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty, không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam nhưng không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá năm (05) công ty khác.
- 2 Cơ cấu thành viên HĐQT của Công ty phải gồm có ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập HĐQT và một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là không phải Người Điều Hành của Công ty. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
- 3 Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - b Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty.
- 4 Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - b Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - c Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ Đông Lớn; là Người Quản Lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
- 5 Thành viên HĐQT đương nhiên không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
 - a Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
 - b Có đơn từ chức hợp lệ bằng văn bản;
 - c Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - e Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - f Theo quyết định của ĐHD;
 - g Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
 - h Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 6 Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung các thành viên HĐQT phải được thông báo theo các

quy định của Luật Chứng khoán, thị trường chứng khoán, và Luật Doanh Nghiệp.

Điều 29 Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- 1 Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b Trình độ học vấn;
 - c Trình độ chuyên môn;
 - d Quá trình công tác;
 - e Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
 - f Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
 - g Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i Các thông tin khác (nếu có).
- 2 Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- 3 Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 30 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 1 Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐ.
- 2 Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và ĐHĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty, đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
 - b Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình ĐHD thông qua theo quy định tại Điều lệ
 - c Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phát triển sản xuất và ngân sách hàng năm của Công ty;
 - d Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHD thông qua;
 - e Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động quyết định mức lương và lợi ích khác đối với (i) TGD và (ii) Người Điều Hành khác của Công Ty theo đề nghị của TGD (nếu có) trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHD;
 - f Giám sát, chỉ đạo các hoạt động của TGD và Người Điều Hành khác.
 - g Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người Điều Hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người Điều Hành đó;
 - h Đề xuất việc việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - i Quyết định cơ cấu tổ chức, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - j Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHD chấp thuận thông qua;
 - k Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHD, triệu tập họp ĐHD hoặc lấy ý kiến đề ĐHD thông qua quyết định;
 - l Đề xuất mức, tỷ lệ chia cổ tức hàng năm, xác định mức cổ tức tạm thời theo quy định tại Điều lệ hoặc theo quyết định của ĐHD và quyết định thời hạn, thủ tục trả cổ tức, cách thức tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - m Đề xuất các loại cổ phần/cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phần/cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - n Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - o Quyết định giá và thời điểm chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các loại Chứng Khoán khác theo sự ủy quyền của ĐHD;
 - p Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên ĐHD;
 - q Báo cáo ĐHD việc HĐQT bổ nhiệm TGD;
 - r Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- 3 Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:
- a Việc thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b Việc thành lập các công ty con của Công ty;

- c Việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty trừ các hợp đồng thuộc thẩm quyền phê chuẩn của ĐHĐ;
 - d Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g Việc mua hoặc bán cổ phần/cổ phiếu, phần vốn góp của công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i Việc công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- 4 HĐQT phải nộp báo cáo cho ĐHĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với TGD và Người Điều Hành khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo lên ĐHĐ, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.
- 5 HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và Người Điều Hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 31 Quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

- 1 Các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu và được Người Quản Lý hoặc Người Điều Hành khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 1 Thành viên HĐQT có trách nhiệm:
 - a Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;
 - d Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
- 2 Thành viên HĐQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên

quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.

- 3 Các thành viên HĐQT (không bao gồm các người đại diện theo ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHD quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc nếu không thỏa thuận được thì chia đều.
- 4 Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty
- 5 Thành viên HĐQT đồng thời giữ vị trí Người Điều Hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc những công việc khác mà khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
- 6 Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHD, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHD.

Điều 32 Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1 HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch HĐQT và một Phó Chủ tịch HĐQT. Trừ khi ĐHD quyết định khác, Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm TGD của Công ty.
- 2 Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm:
 - a Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, triệu tập và là chủ tọa các cuộc họp của HĐQT theo quy định tại Điều lệ;
 - b Lập chương trình kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - c Tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT;
 - d Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
 - e Chủ tọa cuộc họp ĐHD;
 - f Được tổ chức một văn phòng giúp việc;
 - g Trong trường hợp cần thiết được quyền ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh do HĐQT quản lý. Sau đó phải báo cáo lại cho HĐQT trong một phiên họp gần nhất hoặc có thể thông báo trực tiếp cho các thành viên HĐQT bằng văn bản;
 - h Các quyền và nhiệm vụ khác quy định của pháp luật.
- 3 Phó Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch HĐQT trong trường hợp được Chủ tịch HĐQT ủy quyền nhưng việc ủy quyền chỉ có hiệu lực trong trường hợp Chủ tịch HĐQT đã thông báo

cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc không thể thực hiện các nghĩa vụ của mình với lý do chính đáng và được HĐQT chấp nhận. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt và không thể thực hiện nhiệm vụ mà không ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐQT, các thành viên còn lại của HĐQT sẽ có quyền tổ chức họp HĐQT theo quy định tại Điều lệ để chỉ định Phó Chủ tịch HĐQT hoặc một người khác trong số họ thực hiện công việc thay thế Chủ tịch HĐQT. Người thay thế Chủ tịch HĐQT chỉ được thực hiện trong phạm vi nội dung công việc được HĐQT chỉ định.

- 4 Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐ.
- 5 Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 33 Người đại diện theo ủy quyền của Thành viên Hội đồng quản trị

- 1 Thành viên HĐQT có quyền ủy quyền cho một (01) người khác là cá nhân làm đại diện thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều lệ nếu được HĐQT chấp thuận. Việc thực hiện và hủy bỏ nội dung ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản hoặc hình thức khác do HĐQT phê chuẩn và chỉ có hiệu lực sau khi Công ty nhận được thông báo của Thành viên HĐQT.
- 2 Người đại diện theo ủy quyền của thành viên HĐQT có tất cả các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT đã ủy quyền nhưng không có quyền nhận thù lao thay cho thành viên HĐQT đã ủy quyền.
- 3 Việc ủy quyền đương nhiên không còn hiệu lực khi thành viên HĐQT đã ủy quyền không còn tư cách là thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ trừ trường hợp thành viên HĐQT đã ủy quyền được tái bổ nhiệm ngay lập tức tại thời điểm hết nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT.

Điều 34 Triệu tập họp Hội đồng quản trị

- 1 Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 2 Các cuộc họp HĐQT thường kỳ được tổ chức ít nhất một (01) lần mỗi quý. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lập chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm và triệu tập họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến
- 3 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, trong thời hạn bảy (07) ngày khi nhận được đề nghị bằng văn bản của (i) Thành viên độc lập HĐQT, hoặc (ii) hai (02) thành viên HĐQT trở lên, hoặc (iii) TGD, hoặc (iv) năm (05) Người Điều Hành khác trở lên, trong đó nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận.
- 4 Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đã đề nghị tổ chức họp có quyền triệu tập họp HĐQT.
- 5 Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

- 6 Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
- 7 Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT gửi Công ty trước thời điểm tổ chức họp HĐQT. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT đã được đăng ký tại Công ty.
- 8 Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
- 9 Thành viên HĐQT hoặc người đại diện theo ủy quyền họp pháp được xem là có mặt tại cuộc họp HĐQT khi:
 - a Trực tiếp tham dự cuộc họp tại địa điểm họp;
 - b Thông qua phương tiện liên lạc, thông tin, điện tử hợp lệ đối với cuộc họp HĐQT cho phép tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến theo đó phải đảm bảo rằng mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - (i) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - (ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;
 - (iii) Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này.
 - c Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
- 10 Địa điểm tổ chức họp HĐQT trong trường hợp cho phép tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến được xác định là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
- 11 Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

Điều 35 Tổ chức họp Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- 1 Trường hợp không thể tổ chức biểu quyết tại cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định tổ chức họp HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp này thông báo họp phải đính kèm một hoặc nhiều phiếu biểu quyết về các vấn đề cần lấy ý kiến và phải ghi rõ ngày tiến hành kiểm phiếu. Các thành viên có quyền biểu quyết phải gửi trả lời phiếu biểu quyết cho Chủ tịch HĐQT bằng thư, đựng trong phong bì kín trước ngày tiến hành kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết để trống hoặc gửi không đúng thời hạn quy định được xem là không hợp lệ và xem như thành viên đó không biểu quyết.
- 2 Chủ tịch HĐQT lập ban kiểm phiếu không quá ba (03) người. Việc kiểm phiếu phải được thực hiện hoàn tất trong thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày tiến hành kiểm phiếu ghi trong thông báo. Phiếu biểu quyết phải được giữ bí mật trong suốt thời gian trước khi tiến hành kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung sau:
 - a Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c Số thành viên với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách thành viên tham gia biểu quyết;
 - d Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e Các vấn đề đã được thông qua;
 - f Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, thành viên ban kiểm phiếu và người giám sát (nếu có).
- 3 Chủ tịch HĐQT, thành viên ban kiểm phiếu và người giám sát phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Điều 36 Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị

- 1 Trừ trường hợp thành viên HĐQT không được biểu quyết hoặc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết theo quy định tại Điều lệ, mỗi thành viên HĐQT hoặc người đại diện theo ủy quyền có mặt dự họp tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết.
- 2 Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Khi đó Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu phải có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- 3 Thành viên HĐQT có thể tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết đối với hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan của thành viên đó Có Lợi Ích Đáng Kể. Trường hợp Thành viên HĐQT không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết thì phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ. Trường hợp thành viên được xem xét là chủ tọa cuộc họp thì các thành viên còn lại theo nguyên tắc đa số cử một người là người ra quyết định cuối cùng

- 4 HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT có mặt tán thành (nếu cuộc họp HĐQT được tổ chức bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hội nghị trực tuyến) hoặc được đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết tán thành (nếu cuộc họp HĐQT được tổ chức bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

Điều 37 Biên Bản và Nghị quyết Hội đồng quản trị

- 1 Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT và biên bản kiểm phiếu nếu việc họp Hội đồng quản trị được thực hiện bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt.
- 2 Biên bản họp HĐQT theo hình thức biểu quyết tại cuộc họp và hội nghị trực tuyến phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp, chủ tọa và người lập biên bản. Thành viên tham dự hội nghị trực tiếp không có mặt trực tiếp tại cuộc họp phải ký tên xác nhận nội dung biên bản ngay khi nhận được biên bản họp.
- 3 Biên bản họp HĐQT theo hình thức biểu quyết lấy ý kiến bằng văn bản phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người lập biên bản, đại diện thành viên ban kiểm phiếu và người giám sát.
- 4 Nghị quyết HĐQT tổ chức theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hội nghị trực tuyến có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 38 Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

- 1 HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và các vấn đề khác tùy theo quyết định của ĐHĐ. HĐQT được quyền ban hành các quy định, quy chế, nguyên tắc vận hành và quản lý của các tiểu ban trực thuộc. Trong quá trình thực hiện công việc, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra.
- 2 Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT là tiểu ban do HĐQT thành lập và duy trì tuân theo các quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc thành lập, quản lý, điều hành ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT tuân thủ quy định tại Điều lệ và quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- 3 Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định và có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Thành viên tiêu bản HĐQT có thể không là thành viên HĐQT nếu được HĐQT cho phép và phải đảm bảo số lượng thành viên không phải thành viên HĐQT ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban. Trưởng tiểu ban HĐQT do HĐQT quyết định. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
- 4 Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT chỉ được coi là có giá trị pháp lý khi được thực hiện phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ.

Điều 39 Người phụ trách quản trị công ty

- 1 HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị công ty do

HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký Công ty theo quy định tại Điều lệ.

- 2 Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a Có hiểu biết về pháp luật;
 - b Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của HĐQT.
- 3 HĐQT có thể bãi nhiệm người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm trợ lý cho người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm. Quy định về quyền hạn và trách nhiệm của trợ lý cho người phụ trách quản trị do HĐQT quyết định
- 4 Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và ĐHĐ theo yêu cầu của HĐQT;
 - c Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d Tham dự các cuộc họp;
 - e Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT;
 - g Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty.
 - h Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - i Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 40 **Thư ký Công ty**

- 1 HĐQT có thể chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT.
- 2 Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Công ty bao gồm:
 - a Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐ, HĐQT và ghi chép các biên bản họp;
 - b Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - e Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

- f Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ;
- g Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

MỤC VIII TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41 Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Tổ chức bộ máy Công ty có TGD và Phó TGD và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. TGD và các Phó TGD có thể đồng thời là thành viên HĐQT, và được HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết HĐQT

Điều 42 Người điều hành

- 1 Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng Người Điều Hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người Điều Hành phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
- 2 Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với TGD do HĐQT quyết định và hợp đồng với những Người Điều Hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD.

Điều 43 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

- 1 HĐQT sẽ bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng hoặc một (01) người khác làm TGD và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của TGD phải được báo cáo tại ĐHĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
- 2 TGD có thể là Chủ tịch HĐQT. Nhiệm kỳ của TGD là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. TGD không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
- 3 TGD có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐ thông qua;
 - b Theo ủy quyền của HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty mà không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại thuộc thẩm quyền hoặc được ĐHĐ hoặc HĐQT ủy quyền, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - f Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với

người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

- g Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
 - h Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ và quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm; tuyển dụng và mức lương áp dụng cho những cán bộ quản lý và các chức danh khác theo sự ủy quyền của HĐQT;
 - i Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - j Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - k Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - l Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của TGD và pháp luật.
- 4 TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
- 5 HĐQT có thể bãi nhiệm TGD khi có từ hai phần ba thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của TGD nếu TGD là thành viên HĐQT) và bổ nhiệm một TGD mới thay thế. Việc bãi nhiệm phải tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ.

MỤC IX TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 44 Trách nhiệm cần trọng

Thành viên HĐQT, TGD và Người Điều Hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 45 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 1 Thành viên HĐQT, TGD và Người Điều Hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. Thành viên HĐQT, TGD và Người Điều Hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định pháp luật.
- 2 Thành viên HĐQT, TGD và Người Điều Hành khác có nghĩa vụ công khai lợi ích liên quan theo quy định pháp luật và có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT về các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những Người Có Liên Quan của thành viên đó, tất cả các lợi ích có thể gây

xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch nêu trên

- 3 Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và Người Có Liên Quan của
- 4 Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và Người Có Liên Quan của cổ đông đó là cá nhân trừ trường hợp cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 5 Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người Có Liên Quan của cổ đông là tổ chức trừ trường hợp Công ty và tổ chức là Người Có Liên Quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được ĐHĐ hoặc HĐQT chấp thuận theo quy định tại Điều lệ;
- 6 Trừ trường hợp ĐHĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các những người này hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới HĐQT, TGD, Người Điều Hành khác đã nêu trên là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
- 7 Hợp Đồng Giao Dịch Thuộc Thâm Quyền Đặc Biệt không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a Đối với hợp đồng có giá trị từ hoặc dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cổ đông, thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành khác và các đối tượng khác có liên quan đã được báo cáo cho HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan tại cuộc họp HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được báo cáo. Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hoặc
 - b Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cổ đông, thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành khác và các đối tượng khác có liên quan đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này thông qua ĐHĐ được tổ chức hợp lệ. Cổ đông có lợi ích liên quan sẽ không có quyền biểu quyết; và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này.
- 8 Các nghị quyết của ĐHĐ và HĐQT thông qua các Hợp Đồng Giao Dịch Thuộc Thâm Quyền Đặc Biệt phải được công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán về công bố thông tin.
- 9 Thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho

người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

- 10 Thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được phép thực hiện bất cứ giao dịch hoặc thỏa thuận nào liên quan đến cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty khi họ đang nắm giữ các thông tin có khả năng tác động đến giá của cổ phiếu đó và thông tin này không được các cổ đông biết.

Điều 46 Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 1 Thành viên HĐQT, TGD và Người Điều Hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 2 Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên HĐQT, Người Điều Hành với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
- 3 Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC X QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 47 Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 1 Cổ Đông Hoặc Nhóm Cổ Đông Có Quyền có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp ĐHĐ và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- 2 Thành viên HĐQT, TGD và Người Điều Hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 3 Công ty phải lưu Điều lệ và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
- 4 Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Điều lệ công ty được công bố

trên trang thông tin điện tử của Công ty.

MỤC XI CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 48 Công nhân viên và công đoàn

- 1 TGD phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người Điều Hành.
- 2 TGD phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

MỤC XII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 49 Phân chia lợi nhuận

- 1 ĐHĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty, công bố chia cổ tức công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 2 Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và được sự đồng ý của ĐHĐ, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty. HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng tài sản khác như cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán, tài sản khác do Công ty hoặc công ty khác phát hành theo quy định pháp luật và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này. Việc chi trả cổ tức bằng Cổ Phiếu Quỹ phải đảm bảo giá trị Cổ Phiếu Quỹ trả cổ tức bằng với giá trị cổ tức được chi trả và Cổ Phiếu Quỹ được xác định là cổ phần đã thanh toán đầy đủ sau khi trả cổ tức. Công ty thực hiện tăng Vốn Điều lệ theo quy định pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- 3 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

MỤC XIII TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 50 Tài khoản ngân hàng

- 1 Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép

hoạt động tại Việt Nam.

- 2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 3 Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 51 Trích lập các quỹ

Hàng năm, Công ty sẽ trích lập quỹ theo quy định của pháp luật và theo quyết định ĐHĐ khi xét thấy cần thiết. Việc trích lập các quỹ sẽ do ĐHĐ quyết định trên cơ sở đề nghị của HĐQT.

Điều 52 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 53 Chế độ Kế toán

- 1 Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 3 Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC XIV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ, THÔNG BÁO THÔNG TIN RA CÔNG CHÚNG

Điều 54 Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

- 1 Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được ĐHĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
- 3 Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế

hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

- 4 Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- 5 Cổ Đông Hoặc Nhóm Cổ Đông Có Quyền được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 55 Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

- 1 Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 2 Công ty thực hiện việc công báo ra công chúng các thông tin khác theo quy định pháp luật

MỤC XV KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 56 Kiểm toán

- 1 ĐHQĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 2 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHQĐ thường niên.
- 3 Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp ĐHQĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp ĐHQĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

MỤC XVI CON DẤU

Điều 57 Con dấu

- 1 HĐQT quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
- 2 HĐQT, TGD sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

MỤC XVII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 58 Chấm dứt hoạt động

- 1 Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

- b Giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐ;
 - c Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d Phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - e Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 2 Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 59 Gia hạn hoạt động

- 1 HĐQT triệu tập họp ĐHĐ ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của HĐQT.
- 2 Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐ thông qua.

Điều 60 Thanh lý

- 1 Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do ĐHĐ chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự pháp luật đã quy định

MỤC XVIII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 61 Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 1 Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa (i) cổ đông với Công ty, hoặc (ii) cổ đông với HĐQT, TGD hay Người Điều Hành khác; các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu ĐHĐ chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp
- 2 Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa

tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

- 3 Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

MỤC XIX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 62 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

- 1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được ĐHQĐ xem xét, quyết định.
- 2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

MỤC XX HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 63 Hiệu lực của Điều lệ

- 1 Bản Điều lệ này được lập gồm có hai mươi (20) Chương, sáu mươi lăm (65) Điều.
- 2 Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua theo Biên bản họp số _____ ngày ___/___/_____ và Nghị quyết số _____ ngày ___/___/_____ đính kèm Điều lệ.
- 3 Điều lệ được lập thành _____ (_____) lưu trữ tại Công ty.
- 4 Điều lệ có hiệu lực kể từ ngày ___/___/_____
- 5 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)